

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 13/04/ 2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Trao

Bà Trần Thanh Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 04 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 261/2020/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2022, V/v: “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung”; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022 /QĐST – HNGĐ ngày 04/3/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 180/TB-TA ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Kang Thị Diễm H, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Khu phố P, TT H, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

+ Bị đơn: anh Lê V H, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Khu phố P, TT H, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

+ Nguyên đơn chị Kang Thị D.H trình bày: Chị và anh H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006 đến Năm 2008 có đăng ký kết hôn số 63, quyển số 01, cấp ngày 09/6/2008 tại UBND xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch. Hai vợ chồng chung sống với nhau sinh được 2 người con: Lê Thị Diễm H, sinh ngày 15/8/2008,

Lê Nhựt H, sinh ngày 10/4/2011 tôi đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn: Anh H nghe lời gia đình của anh nên hay có lời lẽ thiếu tế nhị và không quan tâm cuộc sống của tôi nên tình cảm vợ chồng không còn chỉ yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: có 2 con là Lê Thị Diễm H, sinh ngày 15/08/2008; Lê Nhựt H, sinh ngày 10/04/2011, nếu ly hôn chị đồng ý giao 2 người con cho anh H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có một căn nhà xây gạch, diện tích đất 107m² thửa 397, tờ bản đồ số 55 Thị trấn H, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, đất đã được cấp GCNQSDĐ do anh H đứng tên chủ sử dụng. Chị đề nghị anh H chia cho chị số tiền 900.000.000 đồng. anh H được sở hữu toàn bộ nhà và đất.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn.

+ Anh Lê V H trình bày: Điều kiện, hoàn cảnh xây dựng gia đình như chị H trình bày là đúng, anh không bổ sung gì thêm.

2 vợ chồng sống chung 2006, sau mới đăng ký kết hôn ngày 09.6/2008, Kể từ khi chung sống với nhau, đôi lúc vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau nhưng không đáng kể, tuy nhiên kể từ ngày 20 tháng 05 năm 2019 chị H bỏ nhà ra đi ở trọ không còn sống chung trong nhà. Nay chị H yêu cầu xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: có 2 con là Lê Thị Diễm Hằng, sinh ngày 15/08/2008; Lê Nhựt Hùng, sinh ngày 10/04/2011, nếu ly hôn tôi đồng ý nuôi 2 con.

Về cấp dưỡng: Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu quyết.

Về tài sản chung: Diện tích đất 107 m² thửa 397 tờ bản đồ 55 thị trấn Hiệp Phước anh H được cấp giấy CNQSDĐ. Nguồn gốc cha mẹ bán đất cho tiền anh mua diện tích đất trên giá 260.000.000 đồng, thời gian mua tháng 8/2010; đến 02/2011 vợ chồng anh xây dựng nhà, đất là tài sản riêng của anh, còn 1 căn nhà là tiền riêng anh xây nhà, chị H có đóng góp 40.000.000 đồng, tài sản trong nhà không có không yêu cầu giải quyết. Anh không đồng ý chia tài sản trị giá bằng tiền 900.000.000 đồng theo yêu cầu của chị H.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định tư

cách đương sự và quan hệ tranh chấp là đúng, tuy nhiên vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị H và anh H đồng ý thuận tình ly hôn nên chấp nhận. Đối với con chung anh H tự nguyện nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nên chấp nhận.

Quyền sử dụng đất 107 m² thửa 397 tờ bản đồ 55 thị trấn Hiệp Phước anh H được cấp giấy CNQSDĐ, anh H khai là tài sản riêng anh được cha mẹ cho tiền để nhận chuyển nhượng, tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ thu thập không thể hiện, mặt khác quyền sử dụng đất có trong thời kỳ hôn nhân giữa anh H và chị H đang tồn tại nên được xác định là tài sản chung.

Căn nhà do tiền của 2 vợ chồng xây dựng nên được xác định là tài sản chung.

Xét về công sức đóng góp của 2 vợ chồng thì phần của anh H nhiều hơn. Đề nghị Tòa án xác định quyền sử dụng đất của anh H là 70%, chị H 30%; căn nhà mỗi người 50% .

Từ đó, chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị H

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con, nợ chung: Chị H, anh H tự thỏa thuận nên không xét.

Về án phí: Chị H, anh H phải chịu án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình và án phí tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng

- Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện ngày 22/9/2020 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị H và anh H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006 đến Năm 2008 có đăng ký kết hôn tại hồ sơ số 63, quyển số 01, cấp ngày 09/6/2008 tại UBND xã P, huyện Nhơn Trạch là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung”.

- Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng và yêu cầu ly hôn với anh H.

Xét thấy trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh H và chị H bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, 2 vợ chồng ly thân trong thời

gian dài giữa anh H và chị H không gặp nhau để H giải hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H và anh H thỏa thuận thuận tình ly hôn. Xét cần chấp nhận.

- Về con chung: Thỏa thuận có 2 con là Lê Thị Diễm Hằng, sinh ngày 15/08/2008; Lê Nhật Hùng, sinh ngày 10/04/2011, giữa chị H và anh H tự thỏa thuận giao cho anh H nuôi 2 dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Diện tích đất 107 m² thửa 397 tờ bản đồ 55 thị trấn Hiệp Phước được cấp giấy CNQSDĐ số BE 161029 ngày 23/5/2011 của UBND huyện Nhơn Trạch cho anh Lê V H.

+ Diện tích căn nhà: 119,4 m²

Kết cấu:

Móng cột gạch, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch và sơn nước, trần thạch cao khung nổi.

Mái lợp tole, xà gồ thép, cửa đi sắt kéo, Gác có diện tích 17,5 m², Sàn ván ép, mái lợp tole, xà gồ thép; Bếp: xây bê tông cốt thép, và ốp gạch ceramic, cửa đi phía sau khung sắt bọc kính.

Khu vệ sinh: tường xây gạch không sơn nước, cao khoảng 2 mét, không lợp mái.

Nhà vệ sinh: bồn cầu bột, tường ốp gạch ceramic, mái lợp tole; chất lượng còn lại 70%.

Giá trị tài sản: Quyền sử dụng đất: CLN, 107 x 18.800.000 = 2.011.600.000 đồng; nhà ở gia đình: 119m² x 70% x 3.400.000đồng = 284.172.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 2.011.600.000 đồng + 284.172.000 đồng = 2.296.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị H thay đổi yêu cầu từ yêu cầu anh H chia tài sản chung có giá trị 900.000.000 đồng còn 700.000.000 đồng, anh H xác định còn phải nuôi con trong thời gian dài nên chỉ chấp nhận số tiền khoảng 500.000.000 đồng. Hai vợ chồng không thỏa thuận được phân chia tài sản.

Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình hình thành tài sản chung giữa anh H và chị H như sau:

Về Quyền sử dụng đất: Tại bản cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 17/12/2010 giữa anh Đặng Ngọc T và anh Lê V H thì anh T chuyển nhượng cho anh H thửa đất 1056 tờ bản đồ số 10 xã H, số tiền chuyển nhượng 260.000.000 đồng anh H đã thanh toán đầy đủ; Tại bản tự khai ngày 19/12/2020 ông Diệp Thiệu V xác định chuyển nhượng đất cho ông Lê V H và ủy quyền cho ông Đặng Ngọc T thực hiện thủ tục chuyển nhượng, ông Lê Phú H khai được cha mẹ ủy quyền nhận chuyển nhượng đất của ông V sau đó giao lại cho cha là ông C cho lại anh H cất nhà ổn định cuộc sống. Theo hồ sơ lưu tại Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh Nhơn Trạch thể hiện nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị Kim A chuyển nhượng cho ông Diệp Thiệu V, chỉnh lý tại

trang 4 giấy CNQSDĐ nên được tách thửa theo đơn của ông V ngày 29/12/2010. Ngày 18/01/2011 vợ chồng ông V, bà T chuyển nhượng lại cho ông H và ông H được cấp giấy, xây nhà như đã trình bày trên.

Tại các tài liệu liên quan đến nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Anh T, anh V và anh H không có nội dung ông Lê Phú H là người nhận chuyển nhượng đất và thanh toán tiền, không thể hiện nội dung ông Lê Văn C cho tiền anh H và ông C ủy quyền cho ông H nhận chuyển nhượng đất của ông V. Xét lời khai của anh T và Ông H là không có căn cứ.

Từ chứng cứ trên xét thấy ông Lê Văn C, bà Lê Thị Kim A và các anh chị em của anh H không có liên quan đến quyền sử dụng đất và căn nhà của anh H, chị H và có đơn không tranh chấp và từ chối tham gia tố tụng. Xét lời khai của anh H đối với quyền sử dụng đất là của cha mẹ cho riêng anh là không có cơ sở.

Ngày 09/6/2008 anh H và chị H đăng ký kết hôn, tài sản anh H và chị H có trong thời kỳ hôn nhân, do đó được xác định là tài sản chung vợ chồng. Xét công sức đóng góp của anh H nhiều hơn và sau ly hôn anh phải nuôi con nên yêu cầu của chị H chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung tương ứng số tiền 900.000.000 đồng trên tổng giá trị tài sản chung 2.296.000.000 đồng là không hợp lý.

Xét cần chia theo tỉ lệ anh H 70%, chị H 30% đối với quyền sử dụng đất và anh H, chị H mỗi người 50% giá trị nhà, đồng thời giao toàn bộ nhà, đất cho anh H sở hữu, anh H thối lại tiền cho chị H.

Chia cụ thể:

Quyền sử dụng đất: CLN, $107m^2 \times 18.800.000 = 2.011.600.000$ đồng; tỉ lệ 70% = 1.206.960 đồng; tỉ lệ 30% = 603.480.000 đồng; Nhà ở $119m^2$ giá trị còn lại 70% $\times 3.400.000$ đồng = 284.172.000 đồng; tỉ lệ 50% = 142.086.000 đồng.

Phần chị H được chia là $603.480.000 + 142.086.000 = 745.566.000$ đồng. Chị H yêu cầu chia giá trị tài sản tương ứng số tiền 700.000.000 đồng là do tự nguyện nên chấp nhận.

Phần anh H được chia là $1.408.120$ đồng + $142.086.000 = 1.550.206.000$ đồng.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H, chị H chịu án phí dân sự chia tài sản và các chi phí tố tụng.

[4]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 227, 264, 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 58, 59 và 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Kang Thị D.H đối với anh Lê V H, về việc “ Tranh chấp ly hôn và yêu cầu chia tài sản”.

Tuyên xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Kang Thị D.H đối với anh Lê V H.

- Về con chung: Theo thỏa thuận, giao 2 con là Lê Thị Diễm H, sinh ngày 15/08/2008; Lê Nhựt H, sinh ngày 10/04/2011 cho anh Lê V H nuôi dưỡng và chị Kang Thị D.H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

Chia cho anh Lê V H được sở hữu các tài sản như sau:

Diện tích đất 107 m² thửa 397 tờ bản đồ 55 thị trấn Hiệp Phước được cấp giấy CNQSDĐ số BE 161029 ngày 23/5/2011 của UBND huyện hơn Trách cho anh Lê V H.

- Diện tích căn nhà: 119,4 m²

Kết cấu:

Móng cột gạch, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch và sơn nước, trần thạch cao khung nổi.

Mái lợp tole, xà gồ thép, cửa đi sắt kéo, Gác có diện tích 17,5 m², Sàn ván ép, mái lợp tole, xà gồ thép; Bếp: xây bệ bê tông cốt thép, và ốp gạch ceramic, cửa đi phía sau khung sắt bọc kính.

Khu vệ sinh: tường xây gạch không sơn nước, cao khoảng 2 mét, không lợp mái.

Nhà vệ sinh: bồn cầu bệt, tường ốp gạch ceramic, mái lợp tole; chất lượng còn lại 70%.

Buộc anh Lê V H chia tài sản chung cho chị Kang Thị D.H tính giá trị bằng tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

2. Về án phí: Chị Kang Thị D.H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 32.000.000 đồng án phí dân sự chia tài sản, tổng cộng là 32.300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.300.000 đồng (biên lai thu 0000427 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch), còn phải nộp tiếp 20.000.000 đồng.

Anh Lê V H phải chịu 58.506.180 đồng án phí dân sự chia tài sản.

- Về chi phí tố tụng (Đo vẽ, thẩm định giá, sao lục tài liệu): Chị H phải chịu 14.142.746 đồng, anh H phải chịu 14.142.746 đồng trả lại cho chị H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Chị H, anh H được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tiến Nghĩa